

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----**

Bản án số: **80/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/02/2021

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thắng;

Bà Phạm Thị Thành

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **531/2020/TLST-HNGĐ** ngày 05/10/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **107/2020/QĐXX-ST** ngày 25/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 14/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Âu Văn H** - sinh năm 1972 (*Vắng mặt*)

Bi đơn: Bà **La Thị Mỹ T** - sinh năm 1969 (*Vắng mặt*)

Cùng trú tại: Số 6 ngách 161/10 phố HL, tổ 3, phường VH, quận LB, thành phố HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn là ông Âu Văn H trình bày:** Ông và bà La Thị Mỹ T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/11/1993 tại UBND thị trấn ĐG, huyện GL, thành phố HN.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bà T mãi chơi, không có trách nhiệm với chồng con, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Bà thường bỏ nhà đi qua đêm để chơi cờ bạc và gây ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, nhiều lần bị đòi nợ khiến gia đình bị khủng hoảng, cuộc sống chung thường xuyên căng thẳng, không có hạnh phúc. Ông và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng bà T không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông bà chính thức ly thân từ năm 2017, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn với bà T.

- Về con: Ông bà có 02 con chung là **Âu Ngọc H** – sinh năm 1994 (Nam) và **Âu Thị Hồng N** – sinh năm 1996 (Nữ). Các con của ông bà đều đã thành niên, có gia đình riêng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

* Bị đơn là bà La Thị Mỹ T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án làm việc nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Bị đơn là bà La Thị Mỹ T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

*** Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Ông H và bà T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông bà đã phát sinh mâu thuẫn do bà T không làm tròn bổn phận của một người vợ, bỏ bê gia đình và ảnh hưởng tới hạnh phúc vợ chồng. Gia đình hai bên đã khuyên can, động viên ông bà nhưng không có kết quả. Ông bà đã ly thân từ nhiều năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông H có đơn xin ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H và xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về con: Ông bà có 02 con chung là **Âu Ngọc H** – sinh năm 1994 (Nam) và **Âu Thị Hồng N** – sinh năm 1996 (Nữ). Các con của ông bà đều đã thành niên, có gia đình riêng.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Ông H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1- Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Âu Văn H xin ly hôn bà La Thị Mỹ T có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống, ăn ở tại tổ 3, phường VH, quận LB, thành phố HN. Do vậy, việc ông H khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Nguyên đơn là ông Âu Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên lời khai, yêu cầu về việc ly hôn nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp

với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn là bà La Thị Mỹ T trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Ngày 14/01/2021, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất để xét xử vụ án nhưng bà T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa để xét xử vào ngày 02/02/2021. Tại phiên tòa ngày 02/02/2021, bà T tiếp tục vắng mặt, xét thấy đây là lần thứ hai bà T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2- Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Âu Văn H và bà La Thị Mỹ T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/1993 tại UBND thị trấn ĐG, huyện GL, thành phố HN.

Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bà T chưa làm tròn bổn phận của một người vợ, không chia sẻ, bàn bạc với chồng con những công việc làm ăn cũng như những khó khăn bà gặp phải mà tự giải quyết, tự quyết định rồi bỏ bê, phó mặc hậu quả cho ông H và các con phải gánh chịu. Mặt khác, do bà T có nhiều mối quan hệ phức tạp và công việc làm ăn không minh bạch, liên quan đến tệ nạn cờ bạc nên kinh tế gia đình bị ảnh hưởng, cuộc sống gia đình bị đảo lộn và ông H luôn luôn phải đối phó với những hậu quả do bà T gây ra. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không còn tôn trọng nhau. Năm 2017 ông bà ly thân, cắt đứt mọi quan hệ với nhau.

Qua xác minh tại địa phương được biết ông bà đã mâu thuẫn nhiều năm, bà T thường xuyên vắng nhà. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với lời khai và cung cấp của các con ông bà về mâu thuẫn của bố mẹ họ kéo dài nhiều năm và không còn tình cảm với nhau.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù bà T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải nhưng bà kiên quyết không nhận giấy triệu tập, không hợp tác, không có quan điểm, bỏ mặc trước việc ông H ly hôn với bà. Điều này thể hiện rõ bà T không hề có thiện chí hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Xét thấy cuộc sống chung giữa ông H và bà T không thể kéo dài, tình trạng vợ chồng sống ly thân từ năm 2017, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà T là có căn cứ cần được chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như phù hợp với đề xuất của Viện kiểm sát.

- Về con: Ông bà có 02 con chung là **Âu Ngọc H** – sinh năm 1994 (Nam) và **Âu Thị Hồng N** – sinh năm 1996 (Nữ). Các con của ông bà đều đã thành niên, có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và công nợ chung, các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Ông H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số **326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của □y ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Âu Văn H đối với bà La Thị Mỹ T.

Ông Âu Văn H được ly hôn bà La Thị Mỹ T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 02 ngày 30/11/1993 do UBND thị trấn ĐG, huyện GL, thành phố HN (Nay là phường ĐG, quận LB, thành phố HN cấp cho ông Âu Văn H và bà La Thị Mỹ T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con: Xác định ông H và bà T có 02 con chung là **Âu Ngọc H** – sinh năm 1994 (Nam) và **Âu Thị Hồng N** – sinh năm 1996 (Nữ), đều đã thành niên, có gia đình riêng.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và công nợ chung các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Ông H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận ông H đã nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số **0017089** ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- UBND phường Đức Giang
(Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Huyền